

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HS-ST
Ngày: 09/02/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thiệu và bà Đinh Thị Phong

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tăng Thị Hồng – Thư ký TAND khu vực 15 – Phú Thọ

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2026, mở phiên tòa xét xử công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ vụ án hình sự thụ lý số 14/2026/TLST- HS ngày 23/01/2026, đối với các bị cáo:

1/ **Bùi Văn T1**, tên khác: Không, sinh ngày 11/9/2007 tại xã M, tỉnh Phú Thọ, nơi thường trú: Xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ. Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc Mường, tôn giáo không. Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp lao động tự do. Bố là Bùi Văn Q, sinh năm 1985 (Đã chết), mẹ là: Bùi Thị D, sinh năm 1984. Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 07/8/2025, chuyển tạm giam ngày 16/8/2025 tại trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh Phú Thọ. Được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2/ **Bùi Văn T2**, tên khác: Không, sinh ngày 08/12/2006 tại xã M, tỉnh Phú Thọ, nơi thường trú: Xóm K, xã M, tỉnh Phú Thọ. Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc Mường, tôn giáo không. Học vấn: 9/12. Nghề nghiệp lao động tự do. Bố là Bùi Văn L, sinh năm 1977, mẹ là: Bùi Thị Đ, sinh năm 1975. Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 07/8/2025, chuyển tạm giam ngày 16/8/2025 tại trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh Phú Thọ. Được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho hai bị cáo: Ông Đàm Văn Vượng – Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước số 3 – tỉnh Phú Thọ - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1984, nơi cư trú: Xóm Bưởi Cại, xã Mường Bi, tỉnh Phú Thọ - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 ngày 06/8/2025, Bùi Văn T2 và Bùi Văn T1 nhắn tin rủ nhau lên xã Pà Cò, tỉnh Phú Thọ để mua ma túy về cùng sử dụng vì T2 biết chỗ bán ma túy. Sau khi thống nhất, T1 mang theo 200.000 đồng, điều khiển xe moto BKS 28E1-254.08 của nhà để đến đón T2 cùng đi.

Đến khu vực xã Pà Cò, hai người cùng vào nhà một người đàn ông dân tộc Mông (Không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể), T1 đưa cho người đó 200.000 đồng và người này đưa lại cho T2 cầm một gói nhỏ được bọc ngoài bằng túi nilon màu đỏ. T2 và T1 mở ra kiểm tra thấy có 03 viên ma túy hồng phiến và một ít bột Heroine. T2 lấy một viên hồng phiến và một ít Heroine đưa cho T1. T1 lấy mảnh giấy bạc ở bao thuốc lá Thăng Long của mình đựng, nghiền viên hồng phiến ra trộn lẫn với Heroine. T2 lấy bật lửa mang trong người mình ra để hơ đốt dưới giấy rồi cả hai sử dụng hết số ma túy trong giấy bạc ngay tại sân nhà người đàn ông Mông. Số ma túy còn lại (02 viên hồng phiến mà một ít bột Heroine), vẫn ở trong bọc nilon màu đỏ, T2 cầm còn T1 điều khiển xe máy chở T2 về.

Khoảng 18 giờ cùng ngày về đến nhà T2, vào trong phòng ngủ của T2, T2 đưa gói nilon chứa ma túy cho T1 để cùng nhau tiếp tục sử dụng. T1 bỏ bao thuốc lá của mình đưa cho T2, gỡ lấy phần giấy bạc, rồi T1 bỏ hai viên hồng phiến ra giấy bạc nghiền, trộn với bột heroin. Trộn xong, T1 gặt lại một ít hỗn hợp sang mảnh giấy trắng có dòng kẻ rồi gói lại, cất vào ví tiền của mình để dành sử dụng sau. Sau đó, T1 sử dụng tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng của mình cuộn lại thành hình ống, cố định bằng vỏ giấy đầu lọc thuốc lá đưa cho T2, T2 dùng bật lửa đốt dưới giấy bạc và ngậm ống tờ tiền để hít khói qua đường miệng vào cơ thể. Xong T2 đưa cho T1 dùng ma túy bằng cách tương tự. Hai người thay phiên nhau dùng ma túy một lúc thì T2 đi ra ngoài phòng khách ngồi, còn T1 vẫn ở trong phòng ngủ của T2 hút nốt thì bị Công an vào bắt quả tang, T2 bỏ trốn. Công an đã niêm phong vật chứng, dẫn giải T1 về trụ sở làm việc. Đến ngày 07/8/2025, T2 đã đến Công an tỉnh Phú Thọ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình cùng đồng phạm.

Ngày 13/8/2025, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ có Kết luận giám định số: 1267/KL-KTHS, kết luận về đối tượng giám định:

“- Chất bột màu trắng (ký hiệu A1, A2) trong phong bì niêm phong một mặt có ghi: “Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Bùi Văn T1, sinh năm 2007, nơi thường trú: Xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, giám định có tổng khối lượng 0,39gam (*Không thấy ba chín gam*) là ma túy loại Heroine.

- Không phát hiện thấy chất bám dính trên tờ tiền polyme mệnh giá 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) (Ký hiệu A3) trong phong bì niêm phong một mặt có ghi “Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Bùi Văn T1, sinh năm 2007, nơi thường trú: Xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại xóm K, xã M, tỉnh Phú Thọ ngày 06/8/2025” gửi giám định”

Ngày 18/9/2025 Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ có công văn số 221/KTHS về việc trả lời bổ sung các nội dung trong kết luận giám định số 1267/KL-KTHS ngày 13/8/2025 như sau:

- Chất bột màu trắng (Ký hiệu A1) trong phong bì niêm phong một mặt có ghi *“Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Bùi Văn T1 sinh năm 2007, nơi thường trú: Xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại xóm K, xã M, tỉnh Phú Thọ ngày 06/8/2025”* có khối lượng là 0,12 gam (Không phải mười hai gam), đã trừ bì.

- Chất bột màu trắng (Ký hiệu A2) trong phong bì niêm phong một mặt có ghi *“Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Bùi Văn T1 sinh năm 2007, nơi thường trú: Xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại xóm K, xã M, tỉnh Phú Thọ ngày 06/8/2025”* có khối lượng là 0,27 gam (Không phải hai mươi bảy gam), đã trừ bì.

Kết luận số 1915/KL-KTHS ngày 12/9/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

- Trong mẫu nước tiểu thu giữ của Bùi Văn T1 sinh năm 2007, trú tại: Xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ gửi đến giám định tìm thấy chất ma túy loại Morphine, Codeine, Methamphetamine, Amphetamine.

- Trong mẫu nước tiểu thu giữ của Bùi Văn T2, sinh năm 2006 trú tại: Xóm K, xã M, tỉnh Phú Thọ gửi đến giám định tìm thấy chất ma túy loại Morphine, Codeine, Methamphetamine, Amphetamine.

***Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:**

- 0,27g chất ma túy loại Heroine thu giữ trong ví cá nhân của Bùi Văn T1;
- 0,12g chất ma túy loại heroin thu giữ tại ví trí T2, Tiền đang sử dụng trái phép chất ma túy.

- 01 chiếc bật lửa màu đỏ của Bùi Văn T2 dùng để sử dụng trái phép chất ma túy;

- 01 ví da màu đen của Bùi Văn T1 dùng để cất giấu ma túy;

- 02 mảnh giấy bạc của Bùi Văn T2 lấy từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long

- 01 điện thoại di động màu xanh đen, bên trong có 01 sim Viettel, đã qua sử dụng của Bùi Văn T2 dùng để liên lạc mua ma túy.

- 01 điện thoại di động màu xám, bên trong có 01 sim Viettel đã qua sử dụng của Bùi Văn T1 dùng để liên lạc mua ma túy.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda, BKS 28^E1-254.087 màu sơn Đen, số máy: JA39E2962669. Số khung: RLHJA 3928NY744493.

- Một tờ tiền mệnh giá 50.000đồng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành mà T1 và T2 dùng để hút ma túy.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bùi Văn T1 và Bùi Văn T2 đã thành khẩn khai

nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Cáo trạng số 08/CT-VKSKV15 ngày 17/11/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ truy tố Bùi Văn T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a khoản 2 Điều 255 và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự ; truy tố Bùi Văn T2 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, để làm rõ một số nội dung vụ án đối với cả hai bị cáo, ngày 13/01/2026 TAND khu vực 15 – Phú Thọ đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 01/2026/HSST- QĐ.

Ngày 22/01/2026, VKSND khu vực 15 – Phú Thọ có công văn số 02/CV-VKSKV 15 quyết định giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị can Bùi Văn T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm a khoản 2 Điều 255 và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự ; truy tố Bùi Văn T2 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo các điểm a, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, bổ sung 1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự thú*” đối với cả hai bị cáo theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị HĐXX:

- **Đối với Bùi Văn T2:** Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

- **Đối với Bùi Văn T1:**

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 55, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo từ 36 đến 42 tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”;

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật Hình sự; Điều 119 Luật tư Pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo từ 21 đến 24 tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội danh đối với bị cáo T1 là từ 57 tháng đến 66 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 (hai) chiếc điện thoại di động, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; trả lại những tài sản là 01 (một) xe mô tô BKS 28E1-254.08 không liên quan đến việc phạm tội; tịch thu tiêu hủy những vật chứng sử dụng vào việc phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo Bùi Văn T2 và Bùi Văn T1 thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố, không kêu oan, không có ý kiến về kết quả giám định, không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng ý với tội danh và mức hình phạt mà ddaij diện VKS áp dụng đối với các bị cáo, tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét hoàn cảnh các bị cáo tuổi đời còn rất trẻ, thiếu sự quan tâm, giáo dục từ gia đình, các bị cáo ở vùng sâu xa, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị sự lôi kéo, rủ rê của các đối tượng xấu; Trong quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải mà cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Hai bị cáo đều biết hành vi của mình là sai trái nhưng do tuổi đời còn trẻ, thiếu bản lĩnh, bị bạn bè xấu rủ rê, lôi kéo, nên vướng vào con đường tệ nạn. Hai bị cáo đều mong HĐXX cho hưởng mức án thấp nhất để sớm được về với gia đình và xã hội, làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra; kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ kết tội của các bị cáo:

Bùi Văn T2, Bùi Văn T1 là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm, tuy nhiên vì bản lĩnh yếu kém, sa vào nghiện ngập, đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội về ma túy.

Hành vi của Bùi Văn T1 rủ Bùi Văn T2 (T1 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi) cả hai cùng nhau đi mua ma túy về để cùng nhau sử dụng lần thứ nhất tại sân nhà người đàn ông dân tộc Mông, lần thứ hai T1 và T2 cùng nhau sử dụng tại nhà T2. T1 giữ vai trò là người có tiền mua ma túy cung cấp ma túy cho T2, nghiền hồng phiến và trộn với Heroine và chuẩn bị tiền polyme mệnh giá 50.000đ cuộn lại để xúc ma túy cho vào giấy bạc để cả hai cùng hít ma túy cấu thành tội tổ chức sử dụng ma túy. Ngoài ra T1 cất 1 gói ma túy vào ví để sử dụng cho lần sau nên cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Hành vi của Bùi Văn T2 đồng phạm với T1 về tội tổ chức sử dụng ma túy với vai trò giúp sức trong việc tìm nguồn mua ma túy, chuẩn bị công cụ, địa điểm để cả hai

sử dụng ma túy; T2 biết rõ T1 là trẻ vị thành niên vì cả hai có quan hệ họ hàng mẹ của T2 là chị gái của mẹ T1, do vậy hành vi cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với hai tình tiết định khung là phạm tội 02 lần trở lên và đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi nêu trên của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước về chất ma túy, là mầm mống dẫn đến các tệ nạn, gây mất trật tự an toàn xã hội; tính chất tội phạm rất nghiêm trọng, do đó phải có mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân: Trước khi phạm tội, các bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo tuổi đời còn rất trẻ, vừa thành niên (T2 trên 18 tuổi, T1 dưới 18 tuổi); trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. HĐXX xét xử xem xét, cân nhắc để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Số ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu xuất huỷ toàn bộ.
- 01 Chiếc bật lửa của Bùi Văn T2, 02 mảnh giấy bạc dùng để sử dụng trái phép chất ma túy, cần tịch thu xuất huỷ;
- 01 chiếc ví da màu đen đã qua sử dụng của Bùi Văn T1 dùng để cất giấu ma túy, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu xuất huỷ;
- 01 điện thoại di động màu xanh đen, bên trong có 01 sim Viettel, đã qua sử dụng của Bùi Văn T2, 01 điện thoại di động màu xám, bên trong có 01 sim Viettel đã qua sử dụng của Bùi Văn T1 dùng để liên lạc mua ma túy, cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.
- 01 xe máy nhãn hiệu Honda, BKS 28^E1-254.087 màu sơn Đen, số máy: JA39E2962669. Số khung: RLHJA 3928NY744493 thuộc sở hữu của chị Bùi Thị D, chị D không biết gì về hành vi phạm tội của các bị cáo, xét thấy không liên quan đến vụ án cần trả lại cho chị Bùi Thị D.
- Một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành mà T1 và T2 dùng để hút ma túy, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với người đàn ông tại khu vực xã Pà Cò, tỉnh Phú Thọ đã bán ma túy cho bị cáo không rõ tên tuổi, địa chỉ Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng nào có đặc điểm như các bị cáo đã khai nên không xem xét ở vụ án này. Khi xác định được sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T2, Bùi Văn T1 phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.
- Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T1 phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

[2]. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Bùi Văn T2: Áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt Bùi Văn T2 05 (năm) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 07/8/2025.

2.2. Đối với bị cáo Bùi Văn T1:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 BLHS; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS; Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 21 (hai mươi mốt) tháng tù về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” ;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp mức án cho hai tội danh đối với bị cáo là 57 (năm mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 07/8/2025.

[3]. **Xử lý vật chứng:** Căn cứ điều 46,47, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu xuất hủy mẫu vật còn lại sau giám định: Trong 01 phong bì niêm phong ghi: Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang Bùi Văn T1, sinh năm 2007, nơi thường trú: Xóm B, xã M, tỉnh Phú Thọ có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại xóm K, xã M, tỉnh Phú Thọ ngày 06/8/2025 bên trong có chứa 01 bật lửa màu đỏ, 01 ví màu đen, 02 mảnh giấy bạc; tịch thu xuất hủy 01 phong bì niêm phong có ghi: Mẫu vật còn lại sau khi giám định vụ Bùi Văn T1, Bùi Văn T2 -Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 06/8/2025 tại xã M, tỉnh Phú Thọ mẫu A1, A2 mép dán có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ cùng chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong.

- Tịch thu phát mại, sung công quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động màu xanh đen, bên trong có 01 sim Viettel, đã qua sử dụng của Bùi Văn T2 dùng để liên lạc mua ma túy; 01 chiếc điện thoại di động màu xám, bên trong có 01 sim Viettel đã qua sử dụng của Bùi Văn T1 dùng để liên lạc mua ma túy.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Một tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

- Trả lại chị Bùi Thị D 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA biển kiểm soát 28^E1-254.08 màu đen có số máy JA39E2962669, số khung RLHJA3928NY744493.

Tang vật hiện đang được lưu tại kho của Phòng thi hành án dân sự khu vực 15 – Phú Thọ theo biên bản giao nhận vật chứng số 03 ngày 19/11/2025 giữa Công an tỉnh Phú Thọ và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 15 tỉnh Phú Thọ.

[4]. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Bùi Văn T1 và Bùi Văn T2 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND KV15- Phú Thọ;
- Công an tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án hình sự;
- Phòng Thi hành án DS KV15-PT
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Yến